

Bản án số: 89/2020/DS-PT

Ngày 10-8-2020

Vv Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải

Các thẩm phán:

Bà Trương Thị Liên

Bà Võ Bích Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Vũ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lâm Thành Them - Kiểm sát viên.

Từ ngày 07/8 đến ngày 10/8/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 108/2020/TLPT-DS ngày 15/5/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 33/2019/DS-ST ngày 18/10/2020 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 174/QĐPT – DS ngày 16 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trần P** – sinh năm: 1964; Địa chỉ: Khu vực Long Thạnh A, phường T, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông **Nguyễn T** – sinh năm: 1968 (*có mặt*). Địa chỉ: ấp Thạnh Q, xã Trung Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Bà **Trần T** – sinh năm: 1983; Địa chỉ: Số 547 khu vực Thới Thạnh 2, phường T, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà **Nguyễn Th** – sinh năm: 1959 (*có mặt*). Địa chỉ: 162/5 Phạm Ngũ L, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà **Phạm T** – sinh năm: 1967 (*vắng mặt*). Địa chỉ: Khu vực Qui Thạnh 2, phường T, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

- Người kháng cáo: Bà **Trần T**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn ông Trần P trình bày: Bà Trần T có thỏa thuận vay của ông tổng số tiền 1.100.000.000 đồng theo các biên nhận nợ như sau:

- Ngày 29/9/2015 (17/8/2015 âm lịch) số tiền 200.000.000 đồng;
- Ngày 14/10/2015 (02/9/2015 âm lịch) số tiền 150.000.000 đồng;
- Ngày 27/10/2015 (15/9/2015 âm lịch) số tiền 350.000.000 đồng;
- Ngày 17/11/2015 (06/10/2015 âm lịch) số tiền 300.000.000 đồng;
- Ngày 31/01/2016 (22/12/2015 âm lịch) số tiền 100.000.000 đồng.

Lãi suất vay hai bên thỏa thuận là 9%/tháng, bà T có đóng lãi được 04 tháng và xin giảm lãi suất xuống còn 5%/tháng, bà T tiếp tục đóng lãi được 02 tháng rồi ngưng cho đến nay. Ông T thừa nhận quá trình vay bà T đã đóng tổng số tiền lãi là 252.000.000 đồng.

Vào ngày 29/8/2016, bà T có trả được nợ gốc là 300.000.000 đồng (trả theo biên nhận nợ ngày 17/11/2015), còn nợ lại 800.000.000 đồng đến nay chưa trả. Nay ông T yêu cầu bà Trần T phải có trách nhiệm trả số tiền vay: nợ gốc là 800.000.000 đồng (*Tám trăm triệu đồng*) và lãi suất 1%/tháng tính từ tháng 6/2016 đến tháng 6/2019 là 36 tháng với số tiền là 288.000.000 đồng (*Hai trăm tám mươi tám triệu đồng*).

Đại diện nguyên đơn yêu cầu bà T trả số tiền nợ gốc 800.000.000 đồng và tổng số tiền lãi tính đến ngày 04/10/2019 là 453.093.750 đồng, ông T đã nhận của bà T tiền lãi là 252.000.000 đồng nên khấu trừ lại: 453.093.750 đồng - 252.000.000 đồng = 201.093.750 đồng. Vậy tổng số tiền gốc và lãi yêu cầu bị đơn bà T thanh toán là 1.001.093.750 đồng.

Người đại diện ủy quyền bị đơn bà Nguyễn T trình bày: Bà Trần T thừa nhận có vay của ông Trần Phước T tổng số tiền 800.000.000 đồng theo 04 biên nhận nợ như sau:

- Ngày 29/9/2015 (17/8/2015 âm lịch) số tiền 200.000.000 đồng;
- Ngày 14/10/2015 (02/9/2015 âm lịch) số tiền 150.000.000 đồng;
- Ngày 27/10/2015 (15/9/2015 âm lịch) số tiền 350.000.000 đồng;
- Ngày 31/01/2016 (22/12/2015 âm lịch) số tiền 100.000.000 đồng.

Đối với biên nhận mượn tiền ngày 17/11/2015 (06/10/2015 âm lịch) số tiền 300.000.000 đồng, bị đơn xác định là có viết biên nhận nợ và ký tên nhận nợ nhưng bà T không phải vay khoản tiền mới mà viết lại từ biên nhận nợ đã mất ngày 28/8/2015 dương lịch (15/7/2015 âm lịch) và bà T đã trả cho ông T xong số tiền 300.000.000 đồng theo biên nhận trả tiền ngày 29/8/2016; ngày 14/10/2015 bà T có trả cho ông T số tiền vốn vay 150.000.000 đồng (trả theo biên nhận mượn tiền ngày 14/10/2015). Tổng số tiền bà T đã trả cho ông Thọ số tiền vốn 450.000.000 đồng.

Bà T thừa nhận có nợ ông T tổng số tiền theo 04 biên nhận nợ kể trên là 800.000.000 đồng nhưng bà T đã trả cho ông T tổng số tiền nợ vốn theo biên nhận nợ ngày 29/08/2016 là 300.000.000 đồng và biên nhận trả tiền ngày

14/10/2015 là 150.000.000đồng. Vậy tổng số tiền nợ gốc mà đến nay bà T còn nợ ông T là 350.000.000đồng.

Do ông T cho bà T vay tiền tính lãi suất là 9%/tháng là cao hơn so với quy định pháp luật, nay bà T có đơn phản tố yêu cầu tính lại số tiền lãi đã đóng để khấu trừ vào vốn gốc còn nợ ông T. Tổng số tiền lãi đã đóng là 1.075.500.000 đồng, khấu trừ vào số tiền nợ gốc và lãi mà ông T yêu cầu bà T thanh toán như trên, nay bà T phản tố yêu cầu ông T phải thanh toán lại cho bà T tổng số tiền 605.500.000đ (*Sáu trăm lẻ năm triệu năm trăm ngàn đồng*).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm T:

Ngày 28/8/2015 (nhằm 15/7/2015 âm lịch) bà Trần T có viết và ký nhận biên nhận vay của bà P và ông T tổng số tiền 300.000.000đồng, trong đó phần của mỗi người là 150.000.000 đồng. Bà P và ông T trực tiếp giao tiền cho bà Ý, do chỗ bạn bè quen biết nên bà P để cho ông T là người đại diện đứng tên trong biên nhận nợ. Đến ngày 14/10/2015, bà T có trả cho bà P và ông T tổng số tiền 300.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 28/8/2015, ông T là người đại diện nhận tiền và giao lại cho bà P 150.000.000đồng. Bà P không biết về việc bà T cho rằng ngày 17/11/2015 có viết lại biên nhận nợ ngày 28/8/2015 cho ông Thọ.

Tại Bản án số 33/2019/DSST ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn bà Trần T phải có trách nhiệm thanh toán cho ông T số tiền vay: nợ gốc là 800.000.000 đồng và nợ lãi là 201.093.750đồng. Tổng số tiền gốc và lãi phải thanh toán là 1.001.093.750 đồng (*Một tỷ không trăm lẻ một triệu, không trăm chín mươi ba ngàn, bảy trăm năm mươi đồng*).

Về thời gian và phương thức thanh toán do Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt giải quyết theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về tiền án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt đã tuyên xử ngày 18/10/2019 bà Trần T kháng cáo. Ngày 14/11/2019 bà tiếp tục có đơn kháng cáo bổ sung.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị đơn có cung cấp thêm biên nhận 16.000.000 đồng mà nguyên đơn đã nhận tiền lãi của bị đơn. Nguyên đơn thừa nhận chữ viết trong tờ biên nhận là của nguyên đơn. Sau khi nghe động viên phân tích của Hội đồng xét xử và đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn thống nhất cách giải quyết như sau: Bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn 800.000.000 đồng tiền vốn gốc và 100.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 900.000.000 đồng.

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào quá trình thẩm vấn và kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét quan hệ pháp luật thì đây là vụ kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn thì thể hiện kháng cáo trong hạn luật định, có đóng tạm ứng chi phí kháng cáo phúc thẩm hợp lệ về mặt thời gian nên được xem xét và giải quyết.

Về trường hợp những người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Tuy Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập hợp lệ nhưng đương sự vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Qua xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như yêu cầu kháng cáo của bị đơn trong vụ kiện thì thể hiện: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định tính từ lúc vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Bị đơn đồng ý trả số tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng và 100.000.000 đồng tiền lãi.

Qua động viên và phân tích của Hội đồng xét xử, vị đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố Cần Thơ nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất cách giải quyết như sau:

Bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vốn gốc là 800.000.000 đồng và tiền lãi là 100.000.000 đồng do đây là sự tự thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật, đạo đức xã hội và mức lãi suất thấp hơn quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Đề nghị này là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3, Điều 26; 35; 91; 95; 147; 227 và 273, Điều 300 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về thu, giảm, miễn nộp tiền án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Công nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Bà Trần T có trách nhiệm trả cho ông T số tiền vốn gốc là 800.000.000 đồng và tiền lãi là 100.000.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 900.000.000 đồng (*chín trăm triệu đồng*).

Về thời gian và phương thức thanh toán: Do Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt giải quyết theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp bị đơn chậm thi hành án thì hàng tháng bị đơn phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà T phải nộp số tiền 39.000.000 đồng (*Ba mươi chín triệu đồng*). Bà Trần T được nhận số tiền 9.400.000 (*Chín triệu bốn trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 004909 ngày 22/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt.

Ông Trần P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 18.000.000 đồng (*Mười tám triệu đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 004676 ngày 19/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn bà Trần T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 011827 ngày 29/10/2019 thành án phí. Bà T đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND Q Thốt;
- THA.DS. Q Thốt Nốt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Văn Hải

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Thị Liên

Võ Bích Hải

Nguyễn Văn Hải